

Bàn về hai chữ “Văn Minh”

Nguyễn Xuân Phước

“*Văn minh nghĩ kỹ còn nhiều việc*”.

(Đạo Trường Ngâm¹ - Lý Đông A)

I.

Sau năm 1975, đảng Cộng Sản Việt Nam thống nhất đất nước, ngọn cờ “giải phóng” và “dân tộc” được sử dụng trong thời kỳ chiến tranh lại được vận dụng để thực hiện sứ mệnh cách mạng vô sản. Đồng thời, một chế độ độc tài toàn trị được thiết lập trên toàn đất nước. Yêu nước trở thành yêu xã hội chủ nghĩa. Và trong logic đó, yêu nước tức là yêu chế độ độc tài.

Với nhiệt tình thôi thúc từ ngọn lửa cách mạng Tháng Mười của Nga, với kinh nghiệm cải cách ruộng đất miền Bắc năm 1956 học tập từ Trung Cộng, đảng Cộng Sản Việt Nam đã thực hiện chính sách đánh tư sản mại bản, đốt sách để tiêu diệt văn hoá phẩm được gọi là “đồi trụy” của miền Nam, tịch thu ruộng đất để tập thể/hợp tác hoá nông nghiệp, đổi tiền, quốc hữu hoá tài sản nhân dân trên toàn quốc...

Giấc mơ giải phóng Việt Nam khỏi bàn tay của đế quốc để xây dựng chế độ “chuyên chính vô sản” tại Việt Nam của các tiền bối cách mạng cộng sản Việt Nam từ đầu thế kỷ 20 đã trở thành sự thật.

Sau thời kỳ phát động khẩu hiệu “*tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên xã hội chủ nghĩa*”, đảng Cộng Sản VN khám phá ra rằng tiến nhanh tiến mạnh lên xã hội chủ nghĩa là một hành trình khó khăn. Sự thực hiện Chủ nghĩa Cộng Sản chẳng những không làm cho đất nước tiến được vững chắc, mà còn làm cho đất nước tụt hậu nhanh chóng. Trong bối cảnh của các quốc gia Á Châu cất cánh kinh tế bay cao, quá trình xây dựng xã hội chủ nghĩa đã làm cho đất nước điêu tàn, nhân dân nghèo đói và đưa đất nước đến bến bờ phá sản.

¹ <https://thangnghia.org/tho-cua-lda/>

Để giải quyết tình trạng bế tắc của mâu thuẫn nội tại xã hội chực chờ bùng nổ tại Liên Xô, Tổng bí thư Gorbachev phải đưa ra chính sách Glasnost & Perestroika để cứu vãn đất nước và hệ thống XHCN ở Đông Âu. Trong giai đoạn thập tử nhất sinh đó, dưới ảnh hưởng và áp lực của Liên Xô, đảng Cộng Sản Việt Nam đã phải đưa ra chính sách "đổi mới" qua Đại hội VI năm 1996 để tìm đường thoát hiểm.

Từ Đại hội VI năm 1996, cương lĩnh của ĐCSVN bổ xung thêm những đặc trưng XHCN mà Mác-Engel chưa từng đề cập tới. Đặc trưng số một trong tám đặc trưng quan trọng nhất của cương lĩnh đại hội VI là "*Dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh*". Cho đến đại hội XI năm 2011 vừa qua, cương lĩnh chính trị của ĐCSVN cũng tái xác nhận đặc trưng "*Dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh*" là mục tiêu hàng đầu của đảng, và là khẩu hiệu để tuyên truyền xây dựng đất nước.

Hãy tạm để qua mục tiêu "*Dân giàu, nước mạnh*", khẩu hiệu kêu gọi toàn dân xây dựng đất nước "công bằng dân chủ văn minh" phản ánh mơ ước của hàng bao thế hệ Việt Nam hơn 100 năm nay. Từ mỗi nhọc mất nước vào tay thực dân Pháp, đến sự tàn phá của chiến tranh giành độc lập và chiến tranh Quốc Cộng, đến thời kỳ tăm tối để tiến lên xã hội chủ nghĩa làm đất nước thụt lùi cả hàng nhiều thập kỷ so với các nước lân bang, không một người Việt nào không có giấc mơ được sống công bằng dân chủ văn minh như các quốc gia tân tiến khác trên thế giới.

Một mặt đảng cộng sản kiên trì bảo vệ nền độc tài độc đảng để khống chế xã hội và con người; mặt khác đảng mời gọi mọi người xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Sự thể này đặt lại vấn đề rất căn bản là liệu chế độ cộng sản có thể xây dựng một đất nước có công bằng dân chủ văn minh hay không?

II.

Chúng ta quen sử dụng hai chữ văn minh để chỉ dấu cho sự tiến bộ của con người và xã hội. Nhưng một con người văn minh là gì? Một xã hội văn minh là gì?

"Văn" là "đẹp" và "minh" là "sáng". Nguyên nghĩa của "văn minh" có nghĩa là "sáng đẹp". Nhưng thế nào là một con người hay xã hội sáng đẹp?

Tự điển bách khoa mở định nghĩa và diễn giải hai chữ "văn minh" như sau:

"Văn minh là sự kết hợp đầy đủ các yếu tố tiên tiến tại thời điểm xét đến để tạo nên, duy trì, vận hành và tiến hoá xã hội loài người. Các yếu tố của văn minh có thể hiểu gọn lại là di sản tích lũy tri thức, tinh thần và vật chất của con người kể từ khi loài người được hình thành cho đến thời điểm xét đến. **Đôi nghịch với văn minh là hoang dã, man rợ, lạc hậu.** Khái niệm văn minh chỉ mang tính tương đối, có tính so sánh tại thời điểm xét đến mà không có giá trị tuyệt đối."

Ý niệm "văn minh" do đó, là sự "sáng đẹp" đi liền với sự duy trì vận động và tiến hoá của xã hội loài người. Đó là một vận động hướng thượng để đưa loài người lên một trình độ cao hơn, đẹp hơn, gần với những giá trị nhân bản hơn, và xa cách đời sống dã man của động vật trong thiên nhiên hơn.

III.

Sự hình thành đời sống người từ thời hồng hoang đến nay là một cuộc vật lộn liên tục giữa con người với xã hội và thiên nhiên. Từ thời kỳ sống trong hang, hái lượm trái cây, sống lẫn ở lẫn với thiên nhiên và các loại cầm thú khác, loài người ý thức được nhân tính và dần dà tách ra khỏi đời sống thiên nhiên để thực hiện đời sống người.

Nhà cách mạng Lý Đông A trong tài liệu *Duy Nhân Cương Thường*² cho rằng sự xuất hiện của nhân thể (human form) chưa phải là sự thành hình đời sống người trong ý nghĩa đời sống người là đối nghịch với đời sống cầm thú. Do đó, sự xuất hiện của tập đoàn sinh vật có nhân thể chỉ là sự xuất hiện của người dự bị, hay ngợm sắp thành người.

Lý Đông A cho rằng nhân thể trở thành người khi tập đoàn nhân thể đó biết *tái sản xuất sản xuất của tự nhiên*, như biết trồng trọt, chăn nuôi, nướng thịt; và biết tu chỉnh lối sinh sản đực-cái của thú vật để chuyển thành lối sinh sản chồng-vợ và thành lập gia đình – mà ông gọi là *tái sinh sản cái sinh sản của tự nhiên*. Ông cũng cho rằng loài người tiếp tục tu chỉnh cách sống chung kiểu bầy đoàn thú vật "*mạnh được yếu thua, khôn sống mông chết*" để chuyển thành cách "*sống, còn, nối, tiến, hóa đến vô cùng*", để thành lập xã hội loài người, và luôn luôn tăng tiến hiệu xuất của xã hội theo chiều hướng thượng, "*ngày một mới*" – mà ông gọi là *tái hiệu xuất cái hiệu xuất của xã hội và lịch sử*.

Lý Đông A cho rằng chính sự kiện tập đoàn nhân thể thời hồng hoang biết cải biến thiên nhiên để phục vụ cho mình chính là cuộc cách mạng đầu tiên

² <https://thangnghiadotorg.files.wordpress.com/2020/01/duynhancuongthuong-version-layouted-apr2016.pdf>

đưa bầy đoàn ngọm thành xã hội người, và lập thành nhân đạo. *Nhân đạo* là cách sống và đường sống đặc thù của loài người khác loài vật.

Quá trình chung sống thông qua giai đoạn cách mạng nông nghiệp và xã hội đầu tiên đó của loài người nảy sinh ra những qui luật để tạo ra đời sống người. Qua quá trình tiến hóa đó, sinh vật gọi là *người trên nhân thể* trở thành *người có nhân tính và nhân đạo*.

Lý Đông A gọi xã hội đầu tiên có nhân tính là "*xã hội tự tính*". "*Xã hội tự tính*" đó phải trải qua thời gian và điều kiện không gian để phát huy và phát triển. Lịch sử, theo Lý Đông A, là lịch sử nhân đạo, là quá trình hiện thực hóa "*xã hội tự tính*" qua thời gian và không gian.

Qua cuộc sống thực tiễn, tích lũy kinh nghiệm sống, còn, nổi, tiến, hóa của hàng triệu năm, con người đã dần dần chuyển được tính sống còn tự nhiên của mọi loài sinh vật thành *nhân tính* đặc thù của loài người. Quá trình đó tạo thành đường sống đặc thù của loài người mà ngày nay chúng ta gọi là *nhân đạo*. Chính sự xuất hiện của nhân đạo và nhân tính mới làm cho loài người khác với loài vật. Xây dựng một xã hội văn minh là xây dựng một xã hội Người, theo nhân đạo, có nhân tính.

Phân tích cụ thể hơn, Lý Đông A thấy rằng, qua thời gian, *nhân tính* được thể hiện trên ba mặt: Trinh, Bình, và Hòa:

- Trung thành hay trung trinh là chất keo sơn để kết hợp xã hội. Do đó từ quan hệ đực cái của loài vật, nhân tính đòi hỏi vợ chồng phải lấy sự trung thành làm gốc khi thành lập đời sống người. Và cũng dựa trên nguyên lý trung trinh, xã hội thiết lập định chế hôn nhân để thực hiện và bảo vệ sự trung thành đó và để bảo lưu huyết thống được sinh, tồn, tục, lâu dài và bền vững. Do đó, nhân tính đầu tiên là sự trung trinh, và đó là ý nghĩa của nhân tính *Trinh*.

- Để giải quyết nhu cầu ăn, mặc, ở, nhân tính chối bỏ quy luật của thiên tính tự nhiên là mạnh được yếu thua, giành miếng ăn hay áo mặc. Nhân tính hướng dẫn con người giải quyết nhu cầu sinh thực bằng sự mãn thích nhu yếu cách đồng đều. Do đó, con người có nhân tính biết chia cơm sẻ áo cho người nghèo đói. Đó là ý nghĩa chữ *Bình*.

- Mâu thuẫn giữa người và người xảy ra khi người không tôn trọng sự trung thành với nhau, khi loài người không biết tôn trọng sự bình đẳng trong sự mãn thích nhu yếu, khi thú tính áp chế nhân tính. Để giải quyết mâu thuẫn, loài người có thể gây chiến tranh, nhưng đồng thời loài người có thể giải

quyết mâu thuẫn bằng sự hoà giải. Chiến tranh là dùng bạo lực để giải quyết mâu thuẫn, là bản năng của thú tính. Khả năng hoà giải là một đặc tính của loài người. Đó là ý nghĩa chữ *Hoà*.

Nhân tính chính là khoảng cách giữa loài người và loài vật. Cho nên một xã hội văn minh đúng nghĩa là phải thực hiện được *nhân tính* trong đời sống người. Một xã hội văn minh đưa dẫn con người đến chỗ hoàn thiện "trinh, bình, hoà" trong quan hệ giữa người và người. Và xã hội văn minh chính là xã hội đã xa rời xã hội dã man của loài cầm thú, luôn hướng đến và cải tiến cách thực hiện những nhân tính gốc của *xã hội tự tính*.

IV.

Chủ nghĩa Mác-Ăngghen cho rằng người vượn biến thành người là do quá trình lao động hàng triệu năm. Chưa nói tới giá trị của thuyết tiến hoá trong sự hình thành loài người, chủ nghĩa Mác-Ăngghen lấy một số nguyên tắc xã hội cộng sản nguyên thủy làm mô hình lý tưởng để hướng đến xây dựng xã hội Cộng Sản tương lai, thông qua sự thiết lập nền độc tài của giai cấp vô sản.

Mác, vì dựa trên qui luật của tự nhiên, nên chỉ thấy lao động là xuất phát điểm của đời sống người. Mác không hề nhận thức được loài người thành lập là do sự xuất hiện của nhân tính. Trong kinh điển Mác-Engel không có sự mặc nhận nhân tính như là xuất phát điểm của đời sống người. Vì thế Mác lấy xã hội cộng sản nguyên thủy làm xuất phát điểm của xã hội loài người, và xem hành vi hái lượm của giống người nguyên thủy là nền kinh tế tự nhiên. Mác không nhận thức được rằng khi nhân tính chưa xuất hiện thì xã hội nguyên thủy đó chỉ là tập hợp của một bầy đoàn ngợm, hay người dự bị, để chuẩn bị làm người.

Lý Đông A cho rằng sống theo tự nhiên thì chưa có kinh tế vì kinh tế là một hành động nhân vi, do con người tác động, khai thác và cải biến tự nhiên. Chỉ từ khi con người bắt đầu tu chỉnh lại lối sản xuất theo tự nhiên thì lúc đó mới có kinh tế. Xã hội mà Mác muốn xây dựng do đó là một xã hội chưa có con người với nhân tính, và do đó không phải là xã hội của con người. Triết gia mác-xít Trần Đức Thảo đã thấy điều này trong cuốn "*Vấn đề con người và chủ nghĩa lý luận không có con người*" (Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 2011).

Đối với chủ nghĩa Mác trong quan hệ giữa người và người, sự trung thành với lý tưởng CS và giai cấp vô sản là tuyệt đối. Người ta không cần đến sự trung thành giữa người và người. Do đó, trong quá trình xây dựng xã hội chủ

nghĩa, vợ chồng, cha mẹ, con cái, anh em, bạn bè, hàng xóm láng giềng, chủ-thợ phải thực hiện đấu tranh quan điểm và đấu tranh giai cấp đấu tố lẫn nhau. *Trinh* hay sự trung thành giữa người và người không bao giờ là nền tảng của chủ nghĩa Mác.

Một mặt, Mác chủ trương xây dựng một xã hội "bình đẳng" không có bóc lột để giải quyết nhu yếu cho con người; một mặt khác, Mác dựa vào duy vật biện chứng, chủ trương dùng bạo lực cách mạng để giai cấp vô sản chiếm lấy phương tiện sản xuất của giai cấp tư sản.

Nhưng đấu tranh giai cấp là sự áp dụng quy luật sinh tồn trong tự nhiên của động vật vào xã hội. Đó là qui luật mạnh được yếu thua. Vì vậy trong quá trình xây dựng xã hội chủ nghĩa, những người cộng sản dùng bạo lực xoá bỏ chế độ tư hữu để thành lập "*chế độ công hữu*" nhằm thu tóm tài sản của đất nước và của nhân dân làm của riêng. Đồng thời Mác biến giai cấp tư sản cũ thành giai cấp vô sản mới để xã hội triển miên đấu tranh giai cấp.

Vì Mác chỉ giải quyết nhu yếu loài người bằng qui luật của tự nhiên cho nên lý tưởng bình đẳng của Mác khi ứng dụng vào thực tế chỉ đem lại lợi ích cho một giai cấp này bằng sự hy sinh của giai cấp khác. Do đó, chủ nghĩa Mác không thể đem bình đẳng cho loài người.

Đấu tranh giai cấp cũng là phương pháp giải quyết mâu thuẫn giữa người và người, giữa giai cấp và giai cấp. Trong cuộc chiến "một sống một chết" với chủ nghĩa tư bản, người cộng sản phải đánh nhau tử tử với đối phương như con thú dữ giành miếng ăn cho đến khi một bên ngã gục. Trong chủ nghĩa Mác hoàn toàn không có ý niệm "hoà" để hoá giải mâu thuẫn giữa người và người.

Khi mới lên làm tổng bí thư đảng CS Liên Xô, Kruschev được thế giới cộng sản hoan hô vì chủ trương "sẽ chôn sống chủ nghĩa tư bản". Nhưng khi ông chủ trương "chung sống hoà bình" với Hoa Kỳ và Tây Phương, ông đã bị những người "CS chân chính" chỉ trích kịch liệt là "xét lại", và cuối cùng ông đã bị lật đổ. Cho đến ngày hôm nay, nhiều người cộng sản chân chính vẫn sợ hãi hiện tượng "diễn biến hoà bình" đang xuất hiện trong đảng.

Khi phê phán chủ nghĩa Mác, Lý Đông A cho rằng chủ nghĩa Mác Lê đã lấy qui luật của tự nhiên áp dụng thẳng tuột vào đời sống người mà không qua nút điều chỉnh của nhân tính, và do đó, tội ác của chủ nghĩa Mác là biến loài người thành lò thí nghiệm xã hội và coi con người như "muối, sắt".

V.

Nhìn từ góc cạnh Tây phương, và đứng về phương diện ngữ nghĩa, “*văn minh*” trong tiếng Pháp và tiếng Anh là “*civilization*”. Đó là sự kết hợp của chữ “*civil*” (dân sự) và tiếp vĩ ngữ “*ization*” (trở thành). Trong gốc Latin, “*văn minh*” có nghĩa là “*trở thành dân sự*” hay “*dân sự hoá*”. Như vậy, “*văn minh*” nguyên nghĩa của nó có nghĩa là quá trình trở thành dân sự của một xã hội.

Thoạt đầu, “*civilization*” chưa có ý nghĩa “*văn minh*”. Chữ “*civil*” có nghĩa là “*dân sự*” được dùng sớm nhất trong tiếng Latin. Ở thế kỷ thứ 6, Hoàng đế Justinian của đế quốc Byzantyne soạn bộ luật dân sự đầu tiên được gọi là “*Corpus Juris Civilis*”. Cho đến thế kỷ thứ 14, chữ “*civil*” cũng chỉ có nghĩa là “*liên hệ đến người dân*”. “*Civilis*” biến dạng thành “*civility*” có nghĩa là “*lịch lãm*.”

Do bối cảnh lịch sử của tây phương, cho đến giữa thế kỷ thứ 18, chữ *civilization* (dân sự hoá) mới có ý nghĩa đối nghịch với “*dã man*”. Các sử gia cho rằng Adam Ferguson trong tác phẩm *An Essay on the History of Civil Society* (*Luận đề về lịch sử xã hội dân sự*) (Edinburgh, 1767 – p. 2) là tác giả người Anh đầu tiên đã sử dụng “*civilization*” để chỉ dấu cho sự tiến bộ của loài người bằng sự hình thành “*xã hội công dân*”, hay “*xã hội dân sự*”.

Như vậy quá trình hình thành, ý nghĩa chữ *văn minh* đi từ gốc Latin có nghĩa là liên hệ tới người dân. Do chữ “*văn minh*” trong tiếng Việt không có chứa đựng chữ “*người dân*” cho nên trong ngôn ngữ Việt Nam không thấy được giá trị con người hay người dân trong hai chữ “*văn minh*”.

Tại sao dân sự hoá trở thành văn minh?

Từ thế kỷ thứ 15, lịch sử Tây phương bước dần ra khỏi thời kỳ trung cổ với sự suy tàn quyền lực tuyệt đối của đế quốc La Mã Thánh - *The Holy Roman empire*. Xuất hiện đồng thời với phong trào cải cách giáo hội của Martin Luther là phong trào độc lập của các vương quốc Âu Châu đối với giáo quyền Vatican. Xã hội Tây phương bắt đầu bước ra khỏi sự kiểm chế uy quyền của giáo hoàng và giáo hội để đi vào thời đại phục hưng.

Từ đó, các tư tưởng tự do dân chủ bắt đầu xuất hiện. John Locke với ý niệm quyền tự nhiên về đời sống, tự do và tài sản; Montesquieu với tư tưởng tam quyền phân lập; Voltaire với quyền tự do tư tưởng; Hobbes và Rousseau với ý niệm khế ước xã hội và quyền lực chính thống đến từ người dân. Các quốc gia Tây phương chuyển mình từ chế độ phong kiến độc tài sang chế độ dân

chủ. Cuộc cách mạng dân chủ Hoa Kỳ 1776 và cách mạng Pháp 1789 đã lan rộng khắp Âu Châu đưa tới sự cáo chung của chế độ phong kiến Tây phương và xã hội dân sự ra đời với sự thành hình của chế độ dân chủ.

Dân sự hoá chính quyền là giải thể chế độ chuyên chính của chế độ phong kiến, của các vương quyền và giáo quyền để người dân được tham gia vào sinh hoạt chính trị. Giải trừ độc tài là quá trình dân sự hoá xã hội. Đó là chỉ dấu của sự tiến bộ, của sáng và đẹp. Và đó chính là ý nghĩa nguyên thủy của hai chữ "*văn minh*".

VI.

Độc tài là thể chế chính trị mà quyền lực tập trung vào một người hay một nhóm người. Quyền lực này được duy trì bằng bạo lực, không bị giới hạn hay chi phối bởi luật pháp, hiến pháp hay định chế xã hội.

Những người khai sinh chủ nghĩa cộng sản chủ trương phải thiết lập nền *độc tài vô sản* (proletarian dictatorship) để xây dựng xã hội mới. Khi dịch ra tiếng Việt, các nhà Mác-xít Việt Nam gọi *chế độ độc tài* một cách văn hoa là "*chuyên chính vô sản*".

Trong tác phẩm *Phê Phán Chương Trình Gotha*, Mác khẳng định rằng "*giữa xã hội tư bản và xã hội cộng sản có một giai đoạn cách mạng chuyển tiếp từ xã hội này qua xã hội kia. Trong giai đoạn chuyển tiếp chính trị này nhà nước coi như không có, chỉ còn chế độ cách mạng độc tài của giai cấp vô sản.*" — *Critique of the Gotha Program* (1875).

"*Tiến lên xã hội chủ nghĩa*" chính là thiết lập chế độ độc tài toàn trị để xây dựng một xã hội dựa trên bạo lực, tức là đưa xã hội loài người trở về với đời sống động vật thời kỳ hoang dã man rợ. Đó là xã hội không có nhân nghĩa, không có nhân tính, càng ngày càng cách xa với đời sống người. Do đó chế độ độc tài hay nền chuyên chính vô sản, tự thân đã phủ định xã hội dân sự văn minh.

Nói tóm lại, văn minh thể hiện cái đẹp của đời sống người càng ngày càng thăng hoa. Nội dung của văn minh chính là đời sống người với đầy đủ *nhân tính, nhân bản và nhân chủ*. Một xã hội càng văn minh là xã hội càng tiến gần đến những giá trị của con người và càng xa rời đời sống dã man của động vật. Đó là xã hội đã tháo gỡ được chế độ độc tài, đã được dân sự hoá, và đã hình thành được xã hội dân sự và chế độ dân chủ.

VII.

Nhiều người cho rằng chủ nghĩa Mác không còn giá trị trên thực tế tại Việt Nam vì những người cộng sản Việt Nam đã trở thành những nhà tư bản đỏ và xã hội Việt Nam đã bị tư bản hoá. Đặt lại giá trị của chủ nghĩa Mác Lê là việc làm không cần thiết.

Nhưng trên thực tế, những người cộng sản Việt Nam vẫn còn bám víu lấy chủ nghĩa Mác Lê để làm "ánh sáng" nhằm xây dựng xã hội. Vấn đề tham nhũng, cướp đất của dân, cướp tài sản của các cơ sở tôn giáo, hay mafia hoá chính quyền không phải là hiện tượng mà là bản chất của chế độ độc tài chưa được dân sự hoá, của một xã hội được xây dựng trên ý thức hệ thể hiện bản năng loài cầm thú chưa được thấy ánh sáng văn minh của loài người.

Hơn thế nữa, quan điểm "độc tài" của chủ nghĩa Mác Lê đã được đưa vào đời sống xã hội Việt Nam bằng Điều 4 Hiến pháp. Cho nên đặt lại những giá trị căn bản của chủ nghĩa Mác trong mối tương quan với ý niệm công bằng dân chủ và văn minh là một trong những "điều kiện cần" để phá vỡ những bế tắc của Việt Nam hiện nay.

Vì dân chủ và công bằng là hiệu suất của xã hội dân sự, tức là xã hội văn minh, và vì chủ nghĩa Mác-Lê với chủ trương độc tài vô sản đã phủ định văn minh, cho nên hiệu quả tất yếu là đảng cộng sản không có khả năng đem lại công bằng, dân chủ và văn minh cho loài người nói chung và cho người dân Việt Nam nói riêng.

Do đó, khẩu hiệu "*xây dựng đất nước công bằng dân chủ văn minh*" trong bối cảnh một chế độ độc tài toàn trị không những là một khẩu hiệu hoàn toàn vô nghĩa, mà còn đi ngược lại với những logic "duy vật" của chính chủ nghĩa Mác.

Nguyễn Xuân Phước

(Mùa Xuân Nhâm Thìn 2012)